



PHÂN BIỆT TỘI CƯỚP TÀI SẢN VỚI CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU KHÁC

Trung tá, ThS. Nguyễn Đức Thảo *

Tóm tắt nội dung: *Việc phân biệt tội cướp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác có ý nghĩa quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng, góp phần bảo vệ an ninh quốc gia (ANQG) và trật tự an toàn xã hội (TTATXH). Qua nghiên cứu các quy định của Bộ luật Hình sự (BLHS) về tội cướp tài sản và các tội xâm phạm sở hữu, cũng như thực tế xét xử các vụ án, bài viết này phân biệt các đặc điểm tội cướp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu khác và các ví dụ minh họa.*

Quyền sở hữu là quyền cơ bản quan trọng của công dân được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 32 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phân vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác. Quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được pháp luật bảo hộ.”

Để bảo vệ quyền này, tại Chương XIV Bộ luật Hình sự đã quy định các tội xâm phạm sở hữu làm cơ sở cho công tác đấu tranh phòng, chống những hành vi xâm phạm sở hữu.

Trong số các tội xâm phạm sở hữu tài sản thì tội cướp tài sản là tội nguy hiểm nhất. Bởi lẽ nó không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản mà còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân (tính mạng, sức khỏe... của con người). Ngoài ra, những vụ cướp tài sản còn làm cho quần chúng nhân dân hoang mang lo lắng, không yên tâm lao động, sản xuất. Chính vì thế tội cướp tài sản được quy định đầu tiên trong Chương XIV của BLHS (các tội xâm phạm sở hữu). Tuy nhiên trong thực tiễn xảy ra nhiều vụ việc mà các cán bộ của các cơ quan tư pháp cũng như các nhà nghiên cứu còn nhiều ý kiến tranh luận về tội danh: tội cướp tài sản hay các tội xâm phạm sở hữu khác. Do vậy, việc phân biệt tội cướp tài sản với các tội xâm phạm sở hữu

khác không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa lớn về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự. Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những điểm khác nhau giữa tội cướp tài sản với một số tội xâm phạm sở hữu khác trong BLHS.

I. Phân biệt tội cướp tài sản (Điều 133) với tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 135)

- Về khách thể của tội phạm: Tội cướp tài sản và tội cưỡng đoạt tài sản không những xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản mà còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân. Tuy nhiên, quan hệ nhân thân mà tội cướp tài sản xâm phạm rất đa dạng. Trong trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi dùng vũ lực tấn công nạn nhân để chiếm đoạt tài sản, người phạm tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân (có thể gây thiệt hại về thể chất cho nạn nhân, làm nạn nhân chết, bị thương tích). Trong trường hợp người phạm tội thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc để chiếm đoạt tài sản, người phạm tội xâm phạm đến tinh thần và sức khỏe của nạn nhân (có thể làm nạn nhân sợ hãi và làm ảnh hưởng đến sức khỏe nhưng không gây ra thương tích cho nạn nhân). Trong trường hợp người phạm tội có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản, người phạm tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của nạn nhân

* P. Trưởng Bộ môn Pháp luật - T51



(có thể làm nạn nhân chết, bị thương tích) nhưng cũng có thể xâm phạm đến tự do của con người (bất ngờ khoá cửa ngoài, nhốt nạn nhân vào một căn buồng rồi chiếm đoạt tài sản). Còn đối với tội cưỡng đoạt tài sản, quan hệ nhân thân mà tội cưỡng đoạt tài sản xâm phạm không thể là tính mạng, tự do mà chỉ có thể là tinh thần và sức khoẻ của nạn nhân bởi lẽ người phạm tội cưỡng đoạt tài sản chỉ có hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản.

- Về hành vi khách quan:

+ Hành vi khách quan của tội cướp tài sản có thể là hành vi: Dùng vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Còn hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản không có dạng hành vi đó. Như vậy trong các vụ mà người phạm tội có hành vi dùng vũ lực như đánh đập nạn nhân để chiếm đoạt tài sản thì không phải là tội cưỡng đoạt tài sản mà phải xác định là tội cướp tài sản.

Ví dụ: A vay nợ B 20.000.000 đồng, đến kỳ hạn nhưng A không trả nợ. Sau vài lần đòi nhưng A không trả, B đã rủ C và D đến nhà của A để đòi nợ. Khi đến nơi, A vẫn không có tiền để trả. B nói *“không có tiền trả thì tao xiết nợ”*, rồi cùng C, D lấy các đồ đạc trong nhà A. A cản lại liền bị B, C, D đấm đá túi bụi. Sau đó, B, C, D lấy xe máy, ti vi, điện thoại di động của A mang về nhà.

Trong vụ việc trên vẫn có ý kiến cho rằng B, C, D phạm tội cưỡng đoạt tài sản nhưng theo chúng tôi ý kiến trên là không chính xác vì B, C, D đã đấm đá A túi bụi làm cho A tê liệt ý chí phản kháng rồi lấy xe máy, ti vi, điện thoại di động của A mang về nhà. Đây là hành vi dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, là hành vi khách quan của tội cướp tài sản. Do đó B, C, D phạm tội cướp tài sản.

Giả sử trong trường hợp trên B, C, D không đấm đá A mà chỉ quát nạt, dọa đánh A để lấy xe máy, ti vi, điện thoại di động của A mang về nhà, thì đó lại là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, là hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản. Khi đó B, C, D mới phạm tội cưỡng đoạt tài sản.

+ Hành vi khách quan của tội cướp tài sản có thể là hành vi: Đe dọa dùng vũ lực ngay

tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản. Còn hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản.

Hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc trong tội cướp tài sản khác với hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực trong tội cưỡng đoạt tài sản.

Thứ nhất, dấu hiệu *“ngay tức khắc”* để chỉ sự nhanh chóng về mặt thời gian. Trong tội cướp tài sản, việc đe dọa dùng vũ lực có thể trở thành hiện thực ngay lập tức, tức là ngay tại thời điểm hai bên có mặt tại hiện trường. Giữa hành vi đe dọa dùng vũ lực và hành vi dùng vũ lực (nếu có) không có khoảng cách về mặt thời gian. Người phạm tội sau khi đe dọa thì sử dụng vũ lực ngay nếu người bị đe dọa không thực hiện hoặc có biểu hiện không thực hiện yêu cầu đưa tài sản.

Ví dụ: A giơ dao vào cổ B dọa: *“Đưa hết tiền cho tao, chống cự tao đâm chết”*.

Trong trường hợp này B hiểu rằng nếu không đưa tiền cho A thì ngay lúc đó A sẽ đâm B. Cho nên hành vi của A là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc.

Còn hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực ở tội cưỡng đoạt tài sản thì có khoảng cách nhất định về thời gian từ khi người phạm tội đe dọa đến lúc người phạm tội có thể dùng được vũ lực.

Ví dụ: Lúc 11 giờ, ngày 11/10/2012, chị Hoàng Thị Mai là giáo viên trường tiểu học Ngô Quyền thuộc huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vừa đi làm về, đang mở cổng vào nhà thì đối tượng Lê Hoàng Hải (đối tượng vừa đi tù về) có nhà ở cùng xóm với chị Mai bất ngờ tiến đến gần và nói với chị Mai: *“Tao biết mày là cô giáo trường Ngô Quyền, trên đường từ trường về nhà mày có đi qua một đoạn đường vắng người, đưa cho tao 1 triệu, nếu không có ngày tao sẽ chặn đường giết chết mày”*. Lúc đó Hải không có vũ khí hay công cụ phương tiện nào khác, xung quanh khu vực đó vẫn còn nhiều người qua lại. Chị Mai đã đưa tiền cho Hải và ngay sau khi Hải bỏ đi, chị đã báo vụ việc cho Công an. Ngày hôm sau, Công an huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam đã bắt giữ được Hải, ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hải về tội cưỡng đoạt tài sản.

Ở tình huống trên, Lê Hoàng Hải nói với chị Mai: *“... trên đường từ trường về nhà mày có đi qua một đoạn đường vắng người, đưa*



cho tao 1 triệu, nếu không có ngày tao sẽ chặn đường giết chết mày”. Lúc đó, Hải không có vũ khí hay công cụ phương tiện nào khác, xung quanh khu vực đó vẫn còn nhiều người qua lại. Như vậy, trong trường hợp này, nếu chị Mai không đưa tiền cho Hải thì Hải không thể thực hiện hành vi dùng vũ lực ngay lúc đó để xâm phạm đến tính mạng của chị Mai. Nếu muốn xâm phạm đến tính mạng của chị Mai thì phải trải qua một khoảng thời gian nữa, Hải mới có thể phục kích tại đoạn đường vắng rồi thực hiện hành vi dùng vũ lực để xâm phạm đến tính mạng của chị Mai. Do đó, hành vi của Hải là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, là hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản.

Thứ hai, dấu hiệu “ngay tức khắc” để chỉ sự mãnh liệt của hành vi đe dọa. Trong tội cướp tài sản, hành vi đe dọa dùng vũ lực có tính chất mãnh liệt, hung bạo đến mức có thể làm tê liệt ý chí của người bị đe dọa. Ở đây, thông thường người phạm tội có sự kết hợp giữa việc sử dụng vũ khí, hung khí với những thái độ, cử chỉ, lời nói hung bạo để tạo cảm giác cho người bị tấn công sợ và tin rằng người phạm tội sẽ sử dụng bạo lực ngay lập tức để gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của họ nếu chống cự lại việc chiếm đoạt tài sản.

Trường hợp hành vi đe dọa dùng vũ lực chưa đến mức làm tê liệt ý chí phản kháng của người bị đe dọa thì không phải là hành vi của tội cướp tài sản mà là hành vi của tội cưỡng đoạt tài sản. Ví dụ: Vào lúc 08h ngày 10/11/2012, tại phường 6, quận Tân Bình, TPHCM, anh Mai Văn Truyền điều khiển xe ô tô 7 chỗ hiệu Innova của mình vào một cây xăng ven đường để đổ xăng. Khi anh Truyền vừa mở cửa xe thì một thanh niên tên Phạm Văn Hòa nhanh chóng tiến đến chỗ anh Truyền và gằn giọng nói: “Cho tao ít tiền mua ma túy, không thì tao sẽ đánh mày và phá xe”. Trên người Hòa không có bất kỳ vũ khí hay công cụ phương tiện nào. Vì không muốn phiền phức, anh Truyền đã đưa cho Hòa 500.000 đồng. Sau đó Hòa bỏ đi. Qua điều tra truy xét, Công an quận Tân Bình đã bắt giữ được Hòa, ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Hòa về tội cưỡng đoạt tài sản.

Ở tình huống trên, Hoà chỉ có một mình, trên người Hòa không có bất kỳ vũ khí hay công cụ phương tiện nào. Xung quanh cây xăng vẫn

còn có nhiều người. Hoà đe dọa anh Truyền: “sẽ đánh và phá xe”. Như vậy, Hoà đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực đối với anh Truyền nhưng hành vi đó chưa đủ hung bạo để làm cho anh Truyền lo sợ là Hoà sẽ xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của mình (nếu không đưa tiền cho Hoà). Hành vi đe dọa dùng vũ lực này chưa có tính chất mãnh liệt, hung bạo đến mức có thể làm tê liệt ý chí của anh Truyền. Do đó, hành vi của Hoà là hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản, là hành vi khách quan của tội cưỡng đoạt tài sản.

Để đánh giá hành vi đe dọa dùng vũ lực có tính chất nhanh chóng và mãnh liệt như vậy hay không cần phải dựa vào các tình tiết: Nội dung và hình thức của hành vi đe dọa; tương quan lực lượng giữa bên đe dọa và bên bị đe dọa; hoàn cảnh, không gian và thời gian xảy ra hành vi đe dọa; tình hình kinh tế xã hội nơi và lúc xảy ra hành vi đe dọa.

Dấu hiệu ngay tức khắc chỉ đòi hỏi người phạm tội đã có hành vi, cử chỉ, thái độ thể hiện ra bên ngoài là sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc, mà không đòi hỏi họ phải thật sự có ý định sẽ dùng vũ lực ngay tức khắc cũng như phải có đủ điều kiện để dùng vũ lực ngay tức khắc hay không.

Chẳng hạn như: Hành vi dùng súng giả, lựu đạn giả... đe dọa nhằm chiếm đoạt tài sản vẫn là hành vi đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc của tội cướp tài sản.

II. Phân biệt tội cướp tài sản (Điều 133) với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 137)

Tội cướp tài sản với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản có những điểm khác nhau cơ bản sau:

- Về khách thể của tội phạm: Ngoài quan hệ sở hữu, tội cướp tài sản còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân. Trong khi đó, tội công nhiên chiếm đoạt tài sản chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu.

- Về hành vi khách quan:

Hành vi khách quan của tội cướp tài sản là hành vi: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, người phạm tội cướp tài sản đã có hành vi làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể



chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Ví dụ: A và B đã phục kích ở một đoạn đường vắng vẻ. Khi thấy C đi xe máy đến khu vực này, A và B đã chặn C lại, đánh C gây chân rồi chiếm đoạt chiếc xe máy của C. Như vậy A và B đã có hành vi dùng vũ lực tấn công C và đưa C vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản. Do đó, hành vi của A và B là hành vi phạm tội cướp tài sản.

Đối với tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, người phạm tội chỉ có hành vi lợi dụng tình trạng khó khăn vướng mắc của nạn nhân (bản thân nạn nhân đang ở trong tình trạng không có điều kiện chống lại hành vi chiếm đoạt tài sản của người phạm tội) để công khai chiếm đoạt tài sản mà không cần phải nhanh chóng.

Ví dụ: Tại một đoạn đường vắng, D đi xe máy bị ngã gãy chân. E và F thấy vậy đã chiếm đoạt chiếc xe máy của D. Như vậy, E và F đã lợi dụng D bị gãy chân, tức là D đang ở trong tình trạng khó khăn vướng mắc không có điều kiện chống lại hành vi chiếm đoạt tài sản để chiếm đoạt tài sản của D. Do đó hành vi của E và F là hành vi phạm tội công nhiên chiếm đoạt tài sản.

- Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt:

Ở tội cướp tài sản, pháp luật không quy định tài sản bị chiếm đoạt phải có giá trị là bao nhiêu. Còn ở tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, tài sản bị chiếm đoạt phải có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

III. Phân biệt tội cướp tài sản (Điều 133) với tội cướp giật tài sản (Điều 136)

Tội cướp tài sản với tội cướp giật tài sản có những điểm khác nhau cơ bản sau:

- Về khách thể của tội phạm: Ngoài quan hệ sở hữu, tội cướp tài sản còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân. Trong khi đó, tội cướp giật tài sản chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu.

- Về hành vi khách quan:

Hành vi khách quan của tội cướp tài sản là hành vi: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Như vậy, người phạm tội cướp tài sản đã có hành vi làm cho

người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản.

Đối với tội cướp giật tài sản, người phạm tội chỉ có hành vi công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác. Người phạm tội không có ý thức đương đầu đối với nạn nhân, không có hành vi đe dọa sự phản kháng của nạn nhân như tội cướp tài sản. Chính vì vậy mà hành vi chiếm đoạt tài sản ở tội cướp giật tài sản phải diễn ra nhanh chóng. Vẫn có trường hợp người phạm tội cướp giật tài sản dùng sức mạnh vật chất nhưng chỉ tác động vào tài sản để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản chứ không tác động vào nạn nhân nhằm đe dọa sự phản kháng của nạn nhân.

Ví dụ: A và B theo dõi C, phát hiện C vừa rút tiền ở một ngân hàng, bỏ tiền vào một chiếc cặp rồi xách cặp từ trong ngân hàng bước ra phía ngoài. A đã bất ngờ từ phía sau đá mạnh vào chiếc cặp làm chiếc cặp văng về phía trước. Lúc đó B nhặt lấy cặp rồi A và B cùng nhanh chóng bỏ chạy. Như vậy, A và B chỉ dùng sức mạnh vật chất tác động vào tài sản để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công khai, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản chứ không tác động vào nạn nhân nhằm đe dọa sự phản kháng của nạn nhân. Do đó, hành vi của A và B là hành vi phạm tội cướp giật tài sản.

Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BCA - BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp quy định: Nếu người phạm tội chưa chiếm đoạt được tài sản hoặc đã chiếm đoạt được tài sản, nhưng đã bị người bị hại hoặc người khác giành lại, mà người phạm tội tiếp tục dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc tấn công người bị hại hoặc người khác nhằm chiếm đoạt cho được tài sản, thì trường hợp này không phải là “hành hung để tẩu thoát” mà đã có đầy đủ các dấu hiệu cấu thành tội cướp tài sản.

Như vậy, có thể phân thành các trường hợp sau:

+ Trường hợp lúc đầu đối tượng có hành vi cướp giật tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản (đang giằng co với nạn nhân), người phạm tội đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản thì truy



cứu trách nhiệm hình sự đối với họ về tội cướp tài sản.

+ Trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản rồi nhưng chủ tài sản hoặc người khác đã lấy lại được tài sản đó hoặc đang giằng co tài sản với người phạm tội, thì người phạm tội dùng vũ lực... để chiếm đoạt tài sản cho bằng được thì truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ về tội cướp tài sản.

+ Trường hợp việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực là nhằm để tẩu thoát (kể cả khi tẩu thoát cùng với tài sản đã chiếm đoạt được) thì truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cướp giật tài sản và coi tình tiết dùng vũ lực ... là tình tiết tăng nặng: hành hung để tẩu thoát.

IV. Phân biệt tội cướp tài sản (Điều 133) với tội trộm cắp tài sản (Điều 138)

Tội cướp tài sản với tội trộm cắp tài sản có những điểm khác nhau cơ bản sau:

- Về khách thể của tội phạm: Ngoài quan hệ sở hữu, tội cướp tài sản còn xâm phạm đến quan hệ nhân thân. Trong khi đó, tội trộm cắp tài sản chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu.

- Về hành vi khách quan:

Hành vi khách quan của tội cướp tài sản là hành vi: Dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Đối với tội trộm cắp tài sản, người phạm tội có hành vi bí mật, lén lút chiếm đoạt tài sản đang do người khác quản lý. Như vậy trong thực tiễn, vẫn có những trường hợp nhầm lẫn giữa hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản ở tội cướp tài sản với hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Trường hợp người phạm tội có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được rồi lén lút chiếm đoạt tài sản thì đó là hành vi phạm tội cướp tài sản. Ví dụ: A lén lút bỏ thuốc mê vào ly nước của B. Khi B uống ly nước đó thì bị mê man bất tỉnh. Lợi dụng tình trạng này, A đã lấy tài sản của B.

Trường hợp người phạm tội có hành vi lợi dụng tình trạng nạn nhân đang say rượu, đang bị bệnh ... nên đang trong tình trạng mê man, bất tỉnh để chiếm đoạt tài sản thì đó là hành vi phạm tội trộm cắp tài sản.

Trong thực tiễn có trường hợp người phạm tội cố tình mời nạn nhân uống rượu thật nhiều. Sau khi nạn nhân say rượu thì người phạm tội chiếm đoạt tài sản của nạn nhân. Trong trường hợp này, có ý kiến cho rằng người phạm tội đã phạm tội cướp tài sản vì họ đã dùng thủ đoạn khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên theo quan điểm của chúng tôi, việc nạn nhân uống rượu là do tự bản thân họ quyết định, họ đã tự đưa mình vào tình trạng say rượu, tình trạng không có khả năng chống cự. Do đó, người phạm tội lợi dụng tình trạng say của nạn nhân để chiếm đoạt tài sản của họ thì đó là hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản, là hành vi khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BCA- BTP ngày 25/12/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp:

+ Trường hợp lúc đầu đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản thì bị phát hiện. Người phạm tội đã dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc nhằm chiếm đoạt tài sản thì truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ về tội cướp tài sản.

+ Trường hợp người phạm tội đã chiếm đoạt được tài sản rồi nhưng chủ tài sản hoặc người khác đã lấy lại được tài sản đó hoặc đang giằng co tài sản đó với người phạm tội mà người phạm tội dùng vũ lực... để chiếm đoạt tài sản cho bằng được thì xử lý về tội cướp tài sản.

+ Trường hợp việc dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực là nhằm để tẩu thoát (kể cả khi tẩu thoát cùng với tài sản chiếm đoạt được) thì định tội trộm cắp tài sản và coi tình tiết dùng vũ lực là tình tiết tăng nặng: hành hung để tẩu thoát.

- Về giá trị tài sản bị chiếm đoạt:

Ở tội cướp tài sản, pháp luật không quy định tài sản bị chiếm đoạt phải có giá trị là bao nhiêu. Còn ở tội trộm cắp tài sản, tài sản bị chiếm đoạt phải có giá trị từ 2 triệu đồng trở lên hoặc dưới 2 triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm./.